TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận L tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 633/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59 /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Việt H; nơi cư trú: Tổ 2 A7-A8, phường H, quận DK, Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh T; ĐKNKTT: Tổ 44 (cũ) nay là 92 T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án đội 23, phân trại số 1, trại giam H, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Việt H trình bày: Anh và chị Trần Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ủy ban nhân dân phường N, Quận L, thành phố Hải Phòng ngày 19 /01 /2001.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống hai bên thường xuyên mâu thuẫn. Sau đó chị T có vi phạm pháp luật nên đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và phải chấp hành án tại trại giam XN, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Đến nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Trần Thu T, sinh ngày 25/3/2001 và Phạm Trần KA, sinh 04/02/2009 và Phạm Trần Khánh L, sinh ngày 14/6/2016, anh H đề nghị con lớn đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và giao cả hai con Phạm Trần KA và Phạm Trần Khánh L cho anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị T trình bày: chị và anh H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, thành phố Hải Phòng vào năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến cuối năm 2013 hai bên đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Đến năm 2018 chị vi phạm phát luật và phải thi hành án 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", anh H xin ly hôn chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Trần Thu T, sinh ngày 25/3/2001 và Phạm Trần KA, sinh 04/02/2009 và Phạm Trần Khánh L, sinh ngày 14/6/2016, nay con lớn đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ly hôn anh H xin được nuôi hai con nhỏ chị đồng ý với đề nghị xin nuôi con của anh H. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện gia đình chị T và anh H, cũng như chính quyền địa phương nơi anh H và chị T sinh sống thể hiện: Anh H và chị T xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hai bên ở tại phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Năm 2013 sau khi vợ chồng có mâu thuẫn hai bên đã sống ly thân nhau, anh H về DK sinh sống còn chị T ở cùng gia đình nhà ngoại. Đến năm 2018 do vi phạm pháp luật nên chị T phải đi chấp hành án. Nay anh H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào mâu thuẫn của anh H và chị T cũng như các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh H và chị T có 03 con chung là Phạm Trần Thu T, sinh ngày 25/3/2001 và Phạm Trần KA, sinh 04/02/2009 và Phạm Trần Khánh L, sinh ngày 14/6/2016. Hiện nay con lớn Trần Thị Thu T đã trưởng thành, đối với hai cháu Phạm Trần KA và Phạm Trần Khánh L do hiện nay mẹ các cháu đang đi chấp hành án nên không có điều kiện nuôi dạy các con, vậy nên đề nghị Tòa án giao cháu KA và cháu Khánh L cho anh H nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu được tốt nhất. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con là việc của hai vợ chồng nên đại diện chính quyền địa phương cũng như gia đình không có ý kiến gì.

Về tài sản chung của anh H và chị T: Đại diện gia đình hai bên và đại diện chính quyền địa phương không có ý kiến gì vì đây là vấn đề cá nhân, riêng tư.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận L phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Anh H và chị T lấy nhau có đăng ký kết hôn vì vậy là hôn nhân hợp pháp.Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh H được ly hôn chị T theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng anh H và chị T có 03 con chung là Phạm Trần Thu T, sinh ngày 25/3/2001 và Phạm Trần KA, sinh 04/02/2009 và Phạm Trần Khánh L, sinh ngày 14/6/2016, đến nay con lớn Phạm Trần Thu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với hai con nhỏ Phạm Trần KA và Phạm Trần Khánh L anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con, cháu KA có nguyện vọng xin được ở với bố hơn nữa hiện nay chị T đang chấp hành án không có điều kiện chăm sóc các con. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H và chị T.

Về tài sản chung: Anh H và chị T không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn thì bị đơn chị Trần Thị Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 44(cũ) nay là 92 Hoàng Minh Thảo, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại đội 23, phân trại số 1, trại giam XN, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn chị Trần Thị Thanh T vắng mặt nhưng có đề nghị xin xét xử vắng mặt, do vậy HĐXX căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Thanh T.

- Về hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa anh Phạm Việt H và chị Trần Thị Thanh T tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều xác nhận là vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị T trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy yêu cầu của anh H được ly hôn với chị T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Phạm Trần Thu T, sinh ngày 25/3/2001, Phạm Trần KA, sinh 04/02/2009 và Phạm Trần Khánh L, sinh ngày 14/6/2016. Hiện nay con lớn Phạm Trần Thu T đã thành niên anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét. Đối với hai con nhỏ Phạm Trần KA và Phạm Trần Khánh L khi ly hôn anh H có nguyện vọng nuôi con chung, chị T hiện đang chấp hành án tại trại giam XN đồng thời cũng có quan điểm đồng ý để anh H nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy HĐXX xét thấy việc giao cả hai con chung Phạm Trần KA, và Phạm Trần Khánh L cho anh H nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế, cũng như nguyện vọng của cháu KA và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con cùng anh; Đồng thời chị T cũng trình bày ý kiến do hiện nay đang chấp hành án nên không có điều kiện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh H được. Do vậy HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh Phạm Việt H và chị Trần Thị Thanh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Phạm Việt H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Việt H và chị Trần Thị Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Phạm Trần KA, sinh 04/02/2009 và Phạm Trần Khánh L, sinh ngày 14/6/2016 cho anh Phạm Việt H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Phạm Việt H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên anh H đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013626 ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận L, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Việt H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- UBND phường N, Quận L, Hải Phòng (GCNKH 19/01/2001);
- Chi cục thi hành án dân sự quận L;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hải Yến